

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN, GÓI THẦU:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Thực hiện đo đạc, xác định phạm vi ranh giới của các đơn vị hành chính trên thực địa; lập hồ sơ về địa giới đơn vị hành chính các cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Địa điểm cung cấp dịch vụ: tỉnh Đồng Nai.

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

#### **II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.**

##### **II.1. Mục đích**

Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được xây dựng nhằm tổ chức triển khai đầy đủ, chính xác và thống nhất hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp tỉnh Đồng Nai phù hợp với thực tiễn sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15. Việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ này sẽ tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý đất đai, dân cư, quy hoạch xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; đồng thời, hướng tới mục tiêu hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống dữ liệu địa giới ĐVHC các cấp, ứng dụng các giải pháp công nghệ để cập nhật, quản lý dữ liệu đồng bộ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tình hình mới.

##### **II.2. Yêu cầu**

a) Đảm bảo thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã, các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn quản lý công tác đo đạc và bản đồ về địa giới ĐVHC và biên giới quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan để triển khai thực hiện lập hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp của tỉnh Đồng Nai.

b) Thực hiện theo đúng quy định tại các Thông tư số 27/2025/TT-BNV ngày 30/12/2025 của Bộ Nội vụ quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC; Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới

hành chính các cấp; Thông tư 25/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp; Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.

c) Xác định rõ phạm vi quản lý theo địa bàn lãnh thổ giữa các cấp ĐVHC thực hiện theo các Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh; Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025.

d) Xây dựng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp của tỉnh Đồng Nai thật sự khoa học, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, pháp lý và thống nhất làm tài liệu pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về địa giới ĐVHC.

e) Sửa chữa số hiệu mặt mốc của các mốc địa giới ĐVHC bị sút mẻ, nghiêng đổ, không phù hợp với tên gọi, tình hình quản lý hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC của địa phương (nếu có).

f) Khôi phục, cắm mới bổ sung các mốc địa giới ĐVHC bị mất, hư hỏng (nếu có); cắm mới các mốc địa giới ĐVHC để đảm bảo địa giới theo đúng Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

g) Đo đạc xác định tọa độ mốc địa giới ĐVHC phục vụ công tác quản lý mốc địa giới ĐVHC theo quy định hiện hành (nếu có).

h) Thực hiện lập mới, chỉnh lý, bổ sung bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC do ĐVHC được thành lập, điều chỉnh địa giới ĐVHC theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **II.3. Phạm vi nhiệm vụ**

Thiết kế kỹ thuật - Dự toán triển khai trên 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh và 95 đơn vị hành chính cấp xã (Trong đó, thực hiện lập mới 88 đơn vị; chỉnh lý, bổ sung 07 đơn vị) thuộc tỉnh Đồng Nai, bao gồm những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về địa giới đơn vị hành chính các cấp, hồ sơ địa giới đơn vị hành chính của các đơn vị hành chính có liên quan, đánh giá hiện trạng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC và mốc địa giới ĐVHC các cấp được lập theo Dự án 513 và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai. Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính các cấp

b) Tổ chức thực địa đối soát tính thống nhất giữa hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC đã lập theo Dự án 513 với thực tế quản lý địa giới ĐVHC của các địa phương có liên quan; kiểm tra, rà soát hệ thống mốc địa giới ĐVHC trên bản đồ và thực địa, thống kê tình trạng cần thay thế, mất, hỏng các mốc địa giới ĐVHC;

c) Chôn mốc mới; bổ sung, thay thế, sửa chữa các mốc địa giới ĐVHC bị hỏng, không phù hợp và mốc chưa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có);

d) Lập mới, sửa đổi, bổ sung những tài liệu liên quan đến lập mới, chỉnh lý hồ sơ ĐGHC vào bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC;

đ) Lập mới, chỉnh lý, bổ sung bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã, cấp tỉnh trên giấy và dữ liệu bản đồ số trong hệ VN-2000 ở các tỷ lệ theo quy định;

e) Tổ chức đề UBND các cấp ký xác nhận pháp lý bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo quy định;

f) Kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo quy định tại Thông tư số 27/2025/TT-BNV ngày 30/12/2025 của Bộ Nội vụ quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC; Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp; Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới ĐVHC, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp; Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ và Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018.

#### **II.4. Sản phẩm chính của Thiết kế kỹ thuật - dự toán**

Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC hai cấp của tỉnh Đồng Nai được giao nộp ở 2 dạng giấy và hồ sơ, bản đồ số, các tài liệu cụ thể như sau:

##### **4.1. Sản phẩm cấp xã**

Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã được nhân bản thành 04 bộ, bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC thành lập ở tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000 và tỷ lệ 1:10.000 theo hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới ĐVHC, mốc địa giới ĐVHC, địa danh hành chính hai cấp in trên giấy, có ký tên, đóng dấu, xác nhận pháp lý của các đơn vị hành chính sở tại và đơn vị hành chính cùng cấp liền kề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận gồm các loại tài liệu sau:

a) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã:

- b) Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- c) Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- d) Bảng xác nhận tọa độ mốc địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- đ) Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- e) Biên bản bàn giao mốc địa giới đơn vị hành chính.
- g) Phiếu thống kê địa danh.
- h) Bản đồ, sơ đồ thuyết minh địa giới đơn vị hành chính (nếu có).
- i) Biên bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- k) Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp xã.
- l) Bản sao văn bản của cấp có thẩm quyền về sắp xếp, thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp xã; văn bản về giải quyết trường hợp chưa thống nhất địa giới đơn vị hành chính.
- m) Bản thống kê Danh mục tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

#### 4.2. Sản phẩm cấp tỉnh

Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh thành lập ở tỷ lệ 1:50.000 theo hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới ĐVHC, địa danh hành chính hai cấp, mốc địa giới, in trên giấy do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng cấp và liên kết ký, đóng dấu xác nhận pháp lý làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia. (bản đồ hồ sơ cấp tỉnh nhân bản thành 03 bộ). Đối với hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh sau khi kiểm tra, nghiệm thu các cấp, giao nộp theo quy định. Thành phần hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh gồm các loại tài liệu như sau:

- a) Bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- b) Bản xác nhận sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- c) Bảng tọa độ các mốc địa giới đơn vị hành chính và điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- d) Bản xác nhận mô tả địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- đ) Mô tả tình hình chung về địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- e) Bản sao văn bản của cấp có thẩm quyền về sắp xếp, thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh; văn bản về giải quyết trường hợp chưa thống nhất địa giới đơn vị hành chính.
- g) Bản thống kê Danh mục tài liệu trong hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp xã tỉnh.

#### 4.3. Các tài liệu khác

- Đĩa CD, USB hoặc thiết bị lưu trữ ghi dữ liệu bản đồ, hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp;
- Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

### III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU.

#### III.1: Yêu cầu kỹ thuật

Nhà thầu thực hiện gói thầu phải tuân thủ về trình tự các bước thực hiện và các yêu cầu kỹ thuật tương ứng áp dụng theo Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và các văn bản hiện hành của pháp luật liên quan tại thời điểm nghiệm thu sản phẩm.

#### III.2. Khối lượng công việc do nhà thầu thực hiện

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ</b>			
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		<b>95</b>	
<b>1</b>	<b>Thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tài liệu</b>			
1.1	Các xã, phường của các ĐVHC cấp tỉnh thuộc vùng đồng bằng.	xã	87	
1.2	Các ĐVHC khu vực biên giới	xã	8	
<b>2</b>	<b>Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính các cấp</b>			
2.1	Các xã, phường của các ĐVHC cấp tỉnh thuộc vùng đồng bằng.	xã	87	
2.2	Các ĐVHC khu vực biên giới	xã	8	
<b>II</b>	<b>Xác định đường ĐGĐVHC, vị trí chôn mốc ĐGĐVHC và các điểm đặc trưng; lập bản đồ ĐGĐVHC gốc thực địa</b>			
<b>1</b>	<b>Chuyển vẽ đường địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết 1662/NQ-UBTVQH15</b>	<b>km</b>	<b>31,82</b>	
-	Tỷ lệ 1/10.000 - (Đường ĐGHC chia tách theo Nghị định, Nghị quyết)	km	31,82	
<b>2</b>	<b>Cập nhật đường biên giới quốc gia</b>	<b>km</b>	<b>246,27</b>	
-	Tỷ lệ 1/10.000		246,27	

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
3	<b>Thực hiện xác định vị trí các điểm đặc trưng cho và mốc địa giới ĐVHC: mốc cắm bổ sung, mốc sửa mặt, mốc hủy tại các tuyến có thay đổi do thực hiện theo Nghị quyết 1662/NQ-UBTVQH15.</b>	km	3782,77	
3.1	Do sản phẩm có tính kế thừa từ sản phẩm của Dự án 513, đơn giá được tính bằng 50% đơn giá KK1 cho hạng mục công việc tại các tuyến không thực hiện lập sơ đồ thuyết minh.	km	3744,94	
3.2	Do sản phẩm có tính kế thừa từ sản phẩm của Dự án 513, đơn giá được tính bằng 50% đơn giá KK1 cho hạng mục công việc tại các tuyến có thực hiện lập sơ đồ thuyết minh.	km	37,83	
4	<b>Thực hiện cập nhật bổ sung mới trên bản đồ địa giới ĐVHC gốc thực địa</b>	km		
4.1	Tỷ lệ 1/2.000		221,04	
a	Các ĐVHC cấp xã khu vực đồng bằng.		135,65	
b	Các ĐVHC cấp phường		85,39	
4.2	Tỷ lệ 1/5.000		391,64	
a	Các ĐVHC cấp xã khu vực đồng bằng.		348,92	
b	Các ĐVHC cấp phường		42,72	
4.3	Tỷ lệ 1/10.000		3416,36	
a	Các ĐVHC cấp xã khu vực đồng bằng.		2475,59	
b	Các ĐVHC cấp phường		694,50	
c	Các ĐVHC khu vực biên giới (Tỷ lệ 1/10.000)		246,27	
III	<b>Thực hiện mô tả mới đường địa giới ĐVHC có thay đổi tên ĐVHC, tên địa danh; Tên mốc địa giới ĐVHC vị trí mốc địa giới ĐVHC, vị trí các điểm đặc trưng trên đường địa giới được sửa mặt được cắm bổ sung mới theo Nghị quyết 1662/NQ-UBTVQH15.</b>			
1	<b>Cấp xã</b>	km	4.029,04	
a	Tuyến địa giới ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.	km	2960,16	

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
b	Tuyến địa giới ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh	km	822,61	
c	Tuyến địa giới ĐVHC thuộc khu vực biên giới	km	246,27	
<b>2</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>km</b>	<b>1068,88</b>	
<b>IV</b>	<b>Cắm mốc địa giới đơn ĐVHC</b>		<b>948</b>	
<b>1</b>	<b>Đúc mốc, chôn mốc và vẽ sơ đồ vị trí mốc địa giới ĐVHC</b>		<b>35</b>	
1.1	Mốc cấp xã (mốc cắm bổ sung và mốc cắm mới)		34	
a	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đồng bằng.	Điểm	23	
b	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh		11	
1.2	Mốc cấp tỉnh (mốc cắm bổ sung và mốc cắm mới)		1	
b	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh		1	
<b>2</b>	<b>Sửa ghi chú mặt mốc và vẽ sơ đồ vị trí mốc địa giới ĐVHC</b>		<b>913</b>	
2.1	Mốc cấp xã		348	
a	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đồng bằng.	Điểm	244	
b	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh		75	
c	Mốc ĐVHC khu vực thuộc vùng miền núi, biên giới, hải đảo.		29	
2.2	Mốc cấp tỉnh		61	
b	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh		61	
2.3	Mốc hủy bỏ		499	
-	Mốc hủy bỏ do không còn phù hợp với thực tế quản lý do điều chỉnh đường địa giới ĐVHC theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 (tính bằng đơn giá KK2 của sửa ghi chú mặt mốc địa giới ĐVHC mốc cấp xã )	Điểm	499	
2.4	Mốc ổn định	Điểm	5	
<b>3</b>	<b>Tìm điểm</b>	<b>Điểm</b>		
a	Tìm điểm có tường vây (mỗi xã dùng 02 điểm để đo lồi tọa độ)	Điểm	70	
b	Tìm điểm không có tường vây (mỗi xã dùng 02 điểm để đo lồi tọa độ)	Điểm	70	
<b>4</b>	<b>Đo tọa độ, độ cao mốc địa giới ĐVHC cấp xã</b>		<b>35</b>	
4.1	Đo ngắm máy GNSS		<b>35</b>	
a	Mốc ĐVHC thuộc khu vực đồng bằng.	Điểm	23	

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
<i>b</i>	<i>Mốc ĐVHC thuộc khu vực đô thị của tỉnh</i>	<i>Điểm</i>	12	
4.2	Tính toán tọa độ, độ cao đo bằng GNSS (mốc cắm bổ sung và mốc cắm mới)	Điểm	35	
<b>5</b>	<b><i>Xác định tọa độ các điểm đặc trưng trên đường ĐGDVHC cấp xã</i></b>		<b>1923</b>	
		Điểm	1923	
<b>6</b>	<b><i>Xác định tọa độ, độ cao mốc địa giới đơn vị hành chính và các điểm đặc trưng trên đường địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh</i></b>		<b>360</b>	
a	Có tính chuyển cơ sở toán học	Điểm	100	
b	Không tính chuyển cơ sở toán học	Điểm	260	
<b>V</b>	<b>Thành lập bản đồ địa giới ĐVHC các cấp</b>			
<b>1</b>	<b><i>Thành lập bản đồ cấp xã</i></b>		<b>1.428</b>	
1.1	Thành lập bản đồ cấp xã (không phải lập sơ đồ thuyết minh)		<b>1.232</b>	
<i>a</i>	<i>Tỷ lệ 1/2.000</i>	<i>Mảnh</i>	262	
	Biên tập bản đồ tỷ lệ 1:2.000 (phủ trùm)		139	
	Biên tập bản đồ thuyết minh tỷ lệ 1:2.000 (phủ trùm)		123	
<i>b</i>	<i>Tỷ lệ 1/5.000</i>	<i>Mảnh</i>	96	
	Biên tập bản đồ tỷ lệ 1:5.000 (phủ trùm)		17	
	Biên tập bản đồ thuyết minh tỷ lệ 1:5.000 (phủ trùm)		79	
<i>c</i>	<i>Tỷ lệ 1/10.000</i>	<i>Mảnh</i>	516	
-	Vùng đồng bằng dân cư thưa thớt, vùng đồng bằng chuyển tiếp vùng đồi.	Mảnh	464	
-	Vùng đồng bằng dân cư tương đối đông đúc, vùng có mật độ đường sá, sông ngòi trung bình.	Mảnh	52	
1.2	Thành lập bản đồ cấp xã (có lập sơ đồ thuyết minh)		<b>196</b>	
<i>a</i>	<i>Tỷ lệ 1/10.000</i>		196	
-	Vùng đồng bằng dân cư thưa thớt, vùng đồng bằng chuyển tiếp vùng đồi.	Mảnh	142	
-	Vùng đồng bằng dân cư tương đối đông đúc, vùng có mật độ đường sá, sông ngòi trung bình.	Mảnh	54	
<i>b</i>	<i>Biên tập sơ đồ thuyết minh</i>	<i>tờ</i>	196	



Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
<b>2</b>	<b><i>Thành lập bản đồ cấp tỉnh</i></b>			
	Thành lập bản đồ cấp tỉnh tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	33	
<b>VI</b>	<b>Lập hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp</b>			
<b>1</b>	<b><i>Cấp xã</i></b>	<b><i>Xã</i></b>	<b><i>88</i></b>	
1.1	Lập hồ sơ theo nội dung quy định cho các cấp và nhân bản			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>82</i>	
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC thuộc khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>6</i>	
1.2	Xác lập tính pháp lý cho hồ sơ			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>82</i>	
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC thuộc khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>6</i>	
1.3	Trình bày và đóng tập hồ sơ			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>82</i>	
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC thuộc khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>6</i>	
<b>2</b>	<b><i>Cấp tỉnh</i></b>			
2.1	Lập hồ sơ theo nội dung quy định cho các cấp và nhân bản	Tỉnh	1	
2.2	Xác lập tính pháp lý cho hồ sơ	Tỉnh	1	
2.3	Trình bày và đóng tập hồ sơ	Tỉnh	1	
<b>VII</b>	<b>Chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính đối với các đơn vị hành chính có sự điều chỉnh.</b>			
<b>1</b>	<b><i>Chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa giới đơn vị hành chính đối với các ĐVHC có sự điều chỉnh địa giới ĐVHC (Đối với các xã không thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15).</i></b>			
<b>1.1</b>	<b>Cấp xã (Trường hợp không phải lập sơ đồ thuyết minh)</b>		<b>99</b>	
<i>a</i>	<i>Tỷ lệ 1/2.000</i>	<i>Mảnh</i>	<i>10</i>	
<i>b</i>	<i>Tỷ lệ 1/10.000</i>	<i>Mảnh</i>	<i>89</i>	
<b>2</b>	<b><i>Chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính đối với các ĐVHC có sự điều chỉnh địa giới ĐVHC.</i></b>			
<b>2.1</b>	<b><i>Cấp xã</i></b>			
2.1.1	Lập hồ sơ theo nội dung quy định cho các cấp và nhân bản			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>5</i>	

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC thuộc khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>2</i>	
2.1.2	Xác lập tính pháp lý cho hồ sơ			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>5</i>	
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC thuộc khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>2</i>	
2.1.3	Trình bày và đóng tập hồ sơ			
<i>a</i>	<i>Các ĐVHC cấp xã thuộc khu vực đồng bằng.</i>	<i>Xã</i>	<i>5</i>	
<i>b</i>	<i>Các ĐVHC khu vực biên giới</i>	<i>Xã</i>	<i>2</i>	
<b>A1</b>	<b>NGOẠI NGHIỆP</b>			
<b>A2</b>	<b>NỘI NGHIỆP</b>			
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>			
<b>I</b>	<b>Các chi phí khác liên quan</b>			
<b>1</b>	<b>Bìa hồ sơ, bìa bản đồ địa giới ĐVHC</b>			
1.1	<i>In bìa hồ sơ cấp xã (95 cấp xã × 4 bộ)</i>	<i>hồ sơ</i>	<i>380</i>	
1.2	<i>In bìa bản đồ cấp xã (95 cấp xã × 4 bộ)</i>	<i>quyển</i>	<i>380</i>	
<b>2</b>	<b>Tráng màng PE bảo vệ bản đồ địa giới ĐVHC các cấp</b>			
2.1	<b>ĐVHC cấp xã:</b> Tráng màng PE bảo vệ bản đồ cấp xã và sơ đồ thuyết minh (95 ĐVHC cấp xã x 2 bìa trước, sau + 272 mảnh 1/2000 + 96 mảnh 1/5000 + 801 mảnh 1/10.000 + 285 sơ đồ TM) x 4 bộ	<i>mảnh</i>	<i>6576</i>	
2.1.1	<i>Tráng màng PE trong phục vụ bồi mật trước của bản đồ (95 ĐVHC cấp xã x 2 bìa trước, sau + 272 mảnh 1/2000 + 96 mảnh 1/5000 + 801 mảnh 1/10.000 + 285 sơ đồ TM) x 4 bộ</i>	<i>mảnh</i>	<i>6576</i>	
2.1.2	<i>Công bồi ép bản đồ cấp xã (95 ĐVHC cấp xã x 2 bìa trước, sau + 272 mảnh 1/2000 + 96 mảnh 1/5000 + 801 mảnh 1/10.000 + 285 sơ đồ TM) x 4 bộ</i>	<i>mảnh</i>	<i>6576</i>	
2.2	<b>ĐVHC cấp tỉnh:</b> Tráng màng PE bảo vệ bản đồ cấp tỉnh (33 mảnh 1/50.000) + 2 bìa trước, sau x 3 bộ	<i>mảnh</i>	<i>105</i>	
2.2.1	<i>Tráng màng PE trong phục vụ bồi mật trước của bản đồ (33 mảnh 1/50.000) + 2 bìa trước, sau x 3 bộ</i>	<i>mảnh</i>	<i>105</i>	
2.2.2	<i>Công bồi ép bản đồ cấp tỉnh (33 mảnh 1/50.000) + 2 bìa trước, sau x 3 bộ</i>	<i>mảnh</i>	<i>105</i>	
<b>II</b>	<b>Chi phí Hội nghị triển khai, ký pháp lý, bàn giao, tổng kết (gồm 04 Hội nghị: Hội nghị triển khai, Hội nghị kiểm tra kỹ thuật, Hội nghị thẩm định)</b>			

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	<b>Họp Hội nghị triển khai thi công hướng dẫn chi tiết công tác triển khai thực hiện dự án:</b> 95 xã, phường; cán bộ tỉnh; cơ quan thi công; Thành phần: UBND tỉnh (02người)/1HN*4HN; SNV 03 (Lãnh đạo Sở; TP XDCQ; CV Phòng XDCQ)/1HN*4HN; Sở NNMT (02 người)/1HN*4HN. Xã 03 người: 3 người/xã x 95 =285 Tổng cộng: tỉnh (08)+ SNV (12)+Sở NNMT (08)+258 người=313 (Tổ chức tại 4 địa điểm)		<b>313</b>	
-	Makét cho hội nghị, thuê hội trường, ...	hội nghị	4	
-	Nước uống (313 người x 1 ngày)	người	313	
-	Chi phí hỗ trợ cho cán bộ (Mục chi: 150,000/1 ng - Chi phí đi lại tới trung tâm Tỉnh; 50000/1 ng - Chi hỗ trợ tiền ăn; 100000/1 ng - Chi hỗ trợ tiền nghỉ)	Ngày	313	
-	Kinh phí chuẩn bị hội nghị	hội nghị	4	
-	Tài liệu hội nghị: 40 trang (Tóm tắt DA, tài liệu tập huấn của Bộ nội vụ, tài liệu biên soạn theo thực tế địa phương) x 500đ/trang =20.000đ/đại biểu	tài liệu	313	
2	<b>Tham gia các hội nghị kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ</b>			
-	Tạm tính: Xăng xe (4950 km × 0.241 l/km × 2 đợt = 2169 l)	lít	2.386	
-	Tiền lưu trú (5 người × 36 ngày × 2 đợt)	người	360	
-	Tiền phòng ngủ - 2 Bộ tại Hà Nội (2 Bộ x 5 ngày/tổ x 5 người)	người	50	
3	<b>Chi phí hội nghị thẩm định, giao nộp sản phẩm tại Trung ương</b> (Số lượng: 15 người; Thành phần dự kiến: LĐ Bộ Nội vụ 01 người, Vụ CQĐP 03 người, Bộ NNMT 02 người, Bộ Ngoại giao 01 người; LĐ TP 01 người, VPUBND TP 01 người, Sở Nội vụ 03 người, Sở ngoại vụ 01 người, Sở NNMT 02 người )			
-	Tài liệu hội nghị: 40 trang/tập x 500đ/trang =20.000đ/đại biểu	tài liệu	15	
-	Nước uống	người	15	
-	Kinh phí chuẩn bị hội nghị	hội nghị	1	

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
-	Đi HN dự hội nghị thẩm định (9 người)	phòng	7	
-	Đi HN dự hội nghị thẩm định	đi lại	9	
-	Phụ cấp lưu trú (9 người) 3 ngày	ngày	9	
-	Đi HN giao nộp sản phẩm	phòng	1	
-	Phụ cấp lưu trú (2 người) 2 ngày	ngày	2	

#### IV. GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN.

4.1. Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ E-HSMT và các quy định hiện hành để đưa ra giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện cho các bước công việc hợp lý, khả thi, phù hợp với quy định hiện hành và đặc điểm gói thầu, đáp ứng được yêu cầu về tiến độ và chất lượng sản phẩm. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phải bao gồm các nội dung:

- + Trình tự các bước công việc;
- + Nhân sự thực hiện của từng bước công việc;
- + Thiết bị, phần mềm (nếu có) thực hiện của từng bước công việc.

4.2. Trình tự các bước thực hiện, bao gồm:

- Công tác chuẩn bị.
- Xác định đường địa giới đơn vị hành chính, vị trí cắm mốc và các điểm đặc trưng; lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính gốc thực địa.
- Lập bản mô tả đường địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- Cắm mốc địa giới hành chính.
- Thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- Lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp; chỉnh lý, bổ sung hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp.
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm (cấp đơn vị thi công)

#### V. QUY ĐỊNH KIỂM TRA NGHIỆM THU

##### 1. Các sản phẩm kiểm tra nghiệm thu

Sản phẩm giao nộp để kiểm tra nghiệm thu bao gồm toàn bộ tài liệu trong bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp và các tài liệu liên quan trong quá trình thi công như:

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã ở tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và tỷ lệ

1:10.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới ĐVHC, mốc địa giới ĐVHC, điểm đặc trưng trên đường địa giới ĐVHC, địa danh hành chính các cấp in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính liên kết làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia;

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh ở tỷ lệ 1:50.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới ĐVHC, địa danh hành chính các cấp, mốc địa giới ĐVHC, in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính liên kết làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia.

- Dữ liệu số về hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC và kết quả bình sai số liệu tọa độ, độ cao các mốc địa giới ĐVHC được đo đạc bằng công nghệ định vị vệ tinh (GPS) theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và thống nhất với hệ tọa độ của bản đồ được ghi trên đĩa CD ROM.

## **2. Quy định về kiểm tra nghiệm thu hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp**

### **2.1. Các văn bản làm căn cứ để kiểm tra nghiệm thu**

1. Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

2. Thông tư số 27/2025/TT-BNV ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC.

3. Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp; được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 25/2025/TT-BTNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

## **3. Quy định về kiểm tra nghiệm thu chất lượng sản phẩm**

### **3.1. Yêu cầu về kiểm tra chất lượng sản phẩm:**

a) Nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm hồ sơ địa giới ĐVHC phải được thực hiện ngay sau khi hoàn thành từng hạng mục công việc, sản phẩm.

b) Hồ sơ địa giới ĐVHC khi kiểm tra phải đảm bảo được lập đầy đủ theo quy

định tại Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT, các số liệu phải chính xác, từ ngữ sử dụng trong các văn bản phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất giữa các cấp.

c) Đảm bảo tính thống nhất và chính xác về mặt kỹ thuật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đo vẽ bổ sung các yếu tố địa giới ĐVHC, các yếu tố địa lý từ thực địa lên bản đồ địa hình và về lập hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC.

d) Xác nhận rõ khối lượng nhiệm vụ đã thực hiện, đối chiếu với Dự án, Thiết kế kỹ thuật - Dự toán để làm cơ sở cho việc quyết toán.

đ) Khi kết thúc kiểm tra hồ sơ địa giới ĐVHC phải lập báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên nêu rõ số lượng và chất lượng từng tài liệu trong hồ sơ địa giới ĐVHC. Trong báo cáo phải có kết luận rõ ràng và đánh giá chất lượng tốt hoặc đạt yêu cầu, những thiếu sót cần phải bổ sung, sửa chữa hoặc làm lại, thời gian hoàn thành, khi nộp lên cấp trên phải đảm bảo đầy đủ và chính xác.

e) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC, Bảng danh mục tài liệu đã kiểm tra lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT.

g) Những ý kiến liên quan đến đề nghị xử lý của cơ quan Trung ương (Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phải lập thành văn bản đề nghị riêng.

### ***3.2. Trình tự trách nhiệm các cấp trong kiểm tra chất lượng sản phẩm:***

a) Đơn vị thi công chịu trách nhiệm kiểm tra tất cả các hạng mục của sản phẩm theo các chỉ tiêu kỹ thuật đưa ra trong nội dung.

b) UBND các cấp phối hợp với đơn vị thi công kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của mình và kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC của cấp dưới thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp.

d) UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ về chất lượng toàn bộ hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp thuộc thẩm quyền quản lý của mình. Để bảo đảm giá trị sử dụng lâu dài, nếu trong quá trình sử dụng phát hiện có sai sót thì UBND cấp tỉnh phải có biện pháp chỉ đạo các cấp liên quan chỉnh lý, bổ sung kịp thời và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, không để kéo dài.

đ) Hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp trước khi giao nộp để kiểm tra phải được xem xét kỹ lưỡng về số lượng, chất lượng của tất cả các tài liệu có liên quan đảm bảo bốn

tính chất đầy đủ, chính xác, thống nhất và pháp lý của hồ sơ.

### **3.3. Tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm**

a) UBND mỗi cấp thành lập một tổ giúp việc để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp và kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC của cấp dưới thuộc quyền quản lý. Tổ giúp việc có nhiệm vụ:

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện và chuẩn bị các công việc cần thiết cho việc kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay sau khi hoàn thành;

- Thực hiện kiểm tra cơ sở pháp lý và nội dung kỹ thuật đối với các sản phẩm đưa vào kiểm tra;

- Chỉ ra những thiếu sót và yêu cầu đơn vị thi công có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa kịp thời hoặc yêu cầu làm lại khi cần thiết;

- Xác nhận việc sửa chữa, bổ sung hoặc làm lại (nếu có); giúp UBND cấp mình xác nhận tính pháp lý cho hồ sơ, xác nhận việc hoàn thành của đơn vị thi công và soạn thảo báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm trình cấp trên.

b) Tổ chức kiểm tra chất lượng trên toàn bộ các hạng mục sản phẩm bản đồ địa giới ĐVHC và các tài liệu theo quy định trong bộ hồ sơ địa giới ĐVHC, các tài liệu liên quan trong quá trình thi công như: sổ đo, kết quả đo bù, bảng tính, biên bản kiểm nghiệm máy và các tài liệu khác.

c) Khi kiểm tra chất lượng hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã, phải có đại diện của UBND cấp tỉnh; riêng đối với bộ hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh thì UBND tỉnh tự tổ chức kiểm tra.

d) Các tài liệu giao nộp trước khi kiểm tra:

- Bản đồ địa giới ĐVHC;
- Sơ đồ vị trí các mốc địa giới ĐVHC;
- Bảng xác nhận tọa độ các mốc địa giới ĐVHC;
- Bảng tọa độ các điểm đặc trưng trên đường địa giới ĐVHC;
- Các biên bản xác nhận mô tả địa giới ĐVHC;
- Các phiếu thống kê địa danh.

### **3.4. Mức kiểm tra**

Các mức kiểm tra tuân thủ theo đúng quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 25/11/2018; Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định

về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, cụ thể:

a) Đối với hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã:

- Đơn vị thi công tự tổ chức kiểm tra 100% các hạng mục công việc và tài liệu trong hồ sơ địa giới ĐVHC;

- UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình thi công tại thực địa và kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu của hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã của mình trong quá trình đơn vị thi công tổ chức thực hiện;

- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Kiểm tra xem xét tài liệu, chất lượng mốc: 20%;

+ Đối chiếu kết quả đo tọa độ vị trí mốc và các điểm đặc trưng trên bản đồ địa giới ĐVHC: 20%.

+ Đối chiếu giữa tài liệu với thực địa: kiểm tra 20% cho các loại công việc và tài liệu: bản đồ địa giới ĐVHC, sơ đồ vị trí mốc địa giới ĐVHC, biên bản xác nhận mô tả địa giới ĐVHC và các bản thống kê địa danh.

b) Đối với hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh.

- Đơn vị thi công tự tổ chức kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu trong hồ sơ địa giới ĐVHC do đơn vị thi công thực hiện;

- UBND cấp tỉnh kiểm tra 100% tất cả các hạng mục công việc và tài liệu của hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh do đơn vị thi công thực hiện theo quy định thông qua đơn vị, tổ chức tổ chức có năng lực kiểm tra để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư.

- Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ tình hình cụ thể để quyết định mức độ kiểm tra các hạng mục công việc và tài liệu thuộc hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh trong quá trình thẩm định.

#### **4. Đóng gói, giao nộp sản phẩm**

##### ***4.1. Quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC***

Việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2025/TT-BNV ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC.

a) Hồ sơ địa giới ĐVHC cấp nào được lưu trữ tại UBND cấp đó: UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Nội vụ.

b) UBND xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) có trách nhiệm quản lý mốc



địa giới ĐVHC trên thực địa tại địa phương; trường hợp mốc địa giới ĐVHC bị xê dịch, hư hỏng phải kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND cấp tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) để có phương án giải quyết.

c) Việc sử dụng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2025/TT-BNV ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC hai cấp;

Hồ sơ và bản đồ địa giới ĐVHC hai cấp được giao nộp ở dạng giấy và dạng số, cơ sở giao nộp theo quy định.

- Đối với bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã: Cấp xã quản lý 01 bộ; cấp tỉnh quản lý 01 bộ; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quản lý 01 bộ; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước) quản lý 01 bộ.

- Đối với bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh: Cấp tỉnh quản lý 01 bộ; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quản lý 01 bộ; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước) quản lý 01 bộ.

#### **4.2. Sản phẩm giao nộp**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT; Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

##### **4.2.1. Giao nộp sản phẩm phục vụ kiểm tra kỹ thuật, phúc tra sản phẩm**

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã lập ở tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và tỷ lệ 1:10.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, mốc địa giới, địa danh hành chính in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp xã liền kề, làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã được lập với cơ sở 01 bộ).

+ Số bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã:

$$95 \text{ ĐVHC} \times 01 \text{ bộ} = 95 \text{ bộ}$$

+ Bộ bản đồ gốc thi công ngoại nghiệp.

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh lập ở tỷ lệ 1:50.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, địa danh hành chính các cấp, mốc địa giới, in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ

địa giới ĐVHC cấp tỉnh được lập theo cơ số 01 bộ).

+ Số bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh:

$$01 \text{ đơn vị} \times 01 \text{ bộ} = 01 \text{ bộ}$$

+ Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị thi công;

+ Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu cấp chủ đầu tư;

+ Sổ đo GPS, kết quả tính toán bình sai;

+ Đĩa CD-ROM hoặc USB ghi dữ liệu số hồ sơ, bản đồ;

+ Báo cáo kết quả thi công;

+ Các văn bản khi thực hiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán Dự án: “Gói thầu số 03: Thực hiện đo đạc, xác định phạm vi ranh giới của các đơn vị hành chính trên thực địa; lập hồ sơ về địa giới đơn vị hành chính các cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” gồm có:

- Biên bản xác định đường địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản cắm mốc địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản hủy mốc địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có).

#### ***4.2.2. Giao nộp sản phẩm phục vụ phúc tra và hoàn thiện sau phúc tra (nếu cần thiết theo kết quả kiểm tra)***

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã lập ở tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và tỷ lệ 1:10.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, mốc địa giới, địa danh hành chính in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp xã liền kề, làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã được lập với cơ số 01 bộ).

Số bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã:

$$95 \text{ ĐVHC} \times 01 \text{ bộ} = 95 \text{ bộ}$$

- Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh lập ở tỷ lệ 1:50.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, địa danh hành chính các cấp, mốc địa giới, in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề

làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh được lập theo cơ số 01 bộ).

+ Số bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh :

$01 \text{ đơn vị} \times 01 \text{ bộ} = 01 \text{ bộ}$

+ Đĩa CD-ROM, USB hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu số hồ sơ, bản đồ;

+ Báo cáo kết quả sửa chữa.

#### **4.2.3. Giao nộp sản phẩm phục vụ quản lý, lưu trữ, sử dụng**

##### **4.2.3.1. Sản phẩm giao nộp trên giấy**

a) Các văn bản khi thực hiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán Dự án: “Gói thầu số 03: Thực hiện đo đạc, xác định phạm vi ranh giới của các đơn vị hành chính trên thực địa; lập hồ sơ về địa giới đơn vị hành chính các cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15. gồm có:

- Biên bản xác định đường địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản cắm mốc địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản hủy mốc địa giới ĐVHC (đối với các tuyến địa giới ĐVHC có điều chỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15);

- Biên bản có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có).

b) Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã lập ở tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và tỷ lệ 1:10.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, mốc địa giới, địa danh hành chính in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp xã liền kề, làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã được lập với cơ số 04 bộ).

- Số bộ bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã:

$95 \text{ ĐVHC} \times 04 \text{ bộ} = 380 \text{ bộ}$

- Số bộ hồ sơ địa giới ĐVHC cấp xã:

$95 \text{ ĐVHC} \times 04 \text{ bộ} = 380 \text{ bộ}$

c) Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh lập ở tỷ lệ 1:50.000 theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 được thể hiện đầy đủ đường địa giới, địa danh hành chính các cấp,

mốc địa giới, in trên giấy có ký xác nhận của các đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề làm cơ sở pháp lý đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia (bản đồ và hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh được lập theo cơ số 03 bộ).

- Số bộ bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh :

$$01 \text{ đơn vị} \times \text{cơ số } 03 \text{ bộ} = 03 \text{ bộ}$$

- Số bộ hồ sơ địa giới ĐVHC cấp tỉnh:

$$01 \text{ đơn vị} \times 03 \text{ bộ} = 03 \text{ bộ}$$

d) Hệ thống mốc địa giới ĐVHC hai cấp; giá trị tọa độ và độ cao các mốc địa giới ĐVHC được đo đạc bằng công nghệ định vị vệ tinh (GPS) theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và tương ứng với hệ thống tọa độ của bản đồ.

đ) Bộ bản đồ địa giới ĐVHC hai cấp được thể hiện đầy đủ đường địa giới ĐVHC hai cấp, mốc địa giới trên nền bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và các hồ sơ liên quan dạng số phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu về địa giới ĐVHC và quản lý, khai thác sử dụng.

#### 4.2.3.2. *Giao nộp sản phẩm dữ liệu số.*

- Dữ liệu số hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp xã, cấp tỉnh (định dạng \*.dgn và \*.doc);

- Kết quả tính toán bình sai số liệu tọa độ và độ cao các mốc địa giới ĐVHC được đo bằng công nghệ định vị vệ tinh (GPS) trên hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (file số và in trên giấy);

- Dữ liệu số bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp xã, cấp tỉnh (định dạng \*.dgn và \*.doc);

- Các văn bản pháp lý có liên quan, các văn bản xử lý giải quyết về hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính.